

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 14/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắng;

Bà Nguyễn Thị Quý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Khánh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Hồ Văn N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997 tại huyện H, tỉnh Q; Nơi cư trú: Khóm K, thị trấn L, huyện H, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Vân Kiều; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ C (Hồ Văn C), sinh năm 1935, con bà Hồ Thị R (Hồ Thị K), sinh năm 1947; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 8; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2018 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa:

Bà Lê Thị Bích Loan, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Người phiên dịch:

Ông Hồ Văn Linh: Khóm 1, thị trấn Krong Klang, Huyện ĐaKrong, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Hồ Văn H; địa chỉ: Khóm K, thị trấn L, huyện H, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 21 giờ 45 phút ngày 14/10/2018 tại Km 73+ 200 Quốc Lộ 9, thuộc thôn Làng Vây, xã Tân Long, huyện H, tỉnh Q. Lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang Hồ Văn N đang điều khiển xe mô tô 74H1-151.34 chở Hồ Văn H vận chuyển 392 viên nén màu hồng và 04 viên nén màu xanh, trên bề mặt các viên nén có dập chìm chữ WY (nghỉ là ma túy tổng hợp).

Quá trình điều tra Hồ Văn N khai nhận: Khoảng đầu tháng 9 năm 2018 theo yêu cầu của Đ; Nghiệp đã nhận 10 viên ma túy tổng hợp từ một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở thị trấn L, huyện H, sau đó đưa về khu vực Trạm kiểm soát Tân Hợp, đã sử dụng hết. Ngày 14/10/2018, N được Đ (không rõ lai lịch, địa chỉ) thuê vận chuyển ma túy tổng hợp từ thị trấn Lao Bảo về Trạm kiểm soát Tân Hợp để lấy 2.000.000 đồng tiền công. Vì muốn có tiền, nên khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, N đến khóm Ka Tăng, thị trấn L nhận số ma túy trên, từ một người tên là X, trú tại Bản Sa Mun, Sê Pôn, SavannaKhet, Lào để vận chuyển về Trạm kiểm soát Tân Hợp, thì bị phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số: 647/KLGD ngày 20/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: 392 viên nén màu hồng được niêm phong ký hiệu MT gửi đến giám định có khối lượng 37,4324 gam ma túy loại Methamphetamine; 04 viên nén màu xanh niêm phong ký hiệu MT gửi đến giám định có khối lượng 0,3820gam Methamphetamine; 01 viên nén màu hồng niêm phong ký hiệu MT01 gửi đến giám định có khối lượng 0,0973 gam Methamphetamine;

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 323 Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKS-P1 ngày 16/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Hồ Văn N về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của BLHS, xử phạt bị cáo Hồ Văn N từ 15 năm tù đến 16 năm tù, về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 của BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 35,1911 gam ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định (được niêm phong ký hiệu NS3A 071336). Đối với 01 chiếc áo khoác hiệu The North Face, cỡ loại (SiZe) M/M, màu đen, có chữ ký cùng họ và tên của Hồ Văn Nghiệp, đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 máy điện thoại di động hiệu Nokia 105, bị cáo dùng để liên lạc trong việc vận chuyển trái phép chất ma túy; cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 74H1-151.34, số máy 5C6J157698, số khung C6JOFY157692. Đây là xe của Hồ Văn H, khi đi với N, không biết Nghiệp vận chuyển ma túy, nên cần trả lại cho Hồ Văn Hàng.

Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn N: Hoàn toàn đồng ý như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng, nên đề nghị Tòa án áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn N 15 năm tù là hoàn toàn hợp lý.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 14/10/2018 Hồ Văn N được người đàn ông tên là Đ (không rõ lai lịch, địa chỉ) thuê Nghiệp vận chuyển số ma túy tổng hợp từ thị trấn L về Trạm kiểm soát Tân Hợp hứa trả tiền công 2.000.000 đồng, N đồng ý. Theo sự chỉ dẫn của Đ thì khoảng 17 giờ 30 phút, N đến tại khóm K, thị trấn L nhận số ma túy 396 viên tổng hợp dạng viên nén có chữ WY có khối lượng 37,8144 gam loại Methamphetamine từ một người tên là X (địa chỉ ở Lào) đưa về cất giấu, đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày N đi theo Quốc Lộ 9 hướng về Trạm kiểm soát Tân Hợp thì bị cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Hồ Văn N đã phạm vào tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 250 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tệ nạn ma túy đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội là nguyên nhân dẫn đến tội phạm và gây mất trật tự, an toàn trị an. Trong những năm gần đây Đảng, Nhà nước và toàn dân bằng nhiều biện pháp khác nhau tích cực phòng chống ma túy, đã có những mức án cao nhất của pháp luật áp dụng với loại tội phạm này, nhưng vẫn không có xu hướng giảm mà còn gia tăng với phương thức và thủ đoạn tinh vi hơn. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn nhận lời với một người không rõ lai lịch, địa chỉ để vận chuyển chất ma túy, nên cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe và làm gương cho những người khác.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Hồ Văn N thành khẩn khai báo, có bố mẹ là người có công với cách mạng, đó là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Đối với Hồ Văn H người đi cùng xe với Hồ Văn N nhưng không biết N vận chuyển ma túy. Tuy nhiên, Hàng có tàng trữ 01 viên ma túy để sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng.

Đối với người tên Đ (không rõ lai lịch, địa chỉ) thuê Hồ Văn N vận chuyển ma túy, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên X, trú tại Bản Sa Mun, Sê Pôn, SavannaKhet, Lào. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị đã phối hợp cơ quan an ninh huyện Sê Pôn, tỉnh SavannaKhet, Lào nhưng không xác định được lai lịch, địa chỉ của đối tượng nên không có cơ sở xử lý, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau. nên Tòa không đề cập đến.

[6] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn N cần được chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 35,1911 gam ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định (được niêm phong ký hiệu NS3A 071336).

- Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc áo khoác hiệu The North Face, cỡ loại (SiZe) M/M, màu đen, có chữ ký cùng họ và tên của Hồ Văn N, đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 máy điện thoại di động hiệu Nokia 105 đã qua sử dụng là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 74H1-151.34, số máy 5C6J157698, số khung C6JOFY157692, người quản lý hợp pháp là

Hồ Văn H, thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên cần trả lại cho Hồ Văn H.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nghiệp phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

[9]. Tiếp tục thi hành Quyết định tạm giam số 23/2019/HSST-QĐTG ngày 31/5/2019 đối với bị cáo Hồ Văn N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Văn N phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.
Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo **Hồ Văn N 15** (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/10/2018.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 35,1911 gam ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định (được niêm phong ký hiệu NS3A 071336).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 máy điện thoại di động hiệu Nokia 105 đã qua sử dụng, Model RM1133;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác hiệu The North Face, cỡ loại (SiZe) M/M, màu đen, chất liệu nylon hai lớp, lớp bên trong dạng lưới, tại tà trong bên phải có chữ ký cùng họ và tên của Hồ Văn Nghiệp, áo khoác đã qua sử dụng;

- Trả lại cho Hồ Văn Hàng 01 xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 74H1-151.34, số máy 5C6J157698, số khung C6JOFY157692, xe đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 5 năm 2019)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Hồ Văn Nghiệp phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị (PC47).
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, TDS, THS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị

xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

